

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, **theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HN ngày 12 tháng 7 năm 2019**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp A, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Đặng Hoài N, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh N bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2017, có đăng ký kết hôn ở UBND xã Đ huyện G, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì bán để chi phí trong gia đình và sinh con. Anh chị có một con chung tên Đặng Ngọc Tuyên, sinh ngày 25/3/2018 hiện chị đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chịu đi làm phụ kinh tế gia đình, đi làm được thời gian ngắn rồi nghỉ ở nhà cờ bạc, uống rượu về kể chuyện chửi chị. Khi sinh con anh chị ở nhà mẹ ruột, thời điểm này anh N vẫn tính nào tật đó không thay đổi vẫn cờ bạc, uống rượu kể chuyện chửi luôn cả ba mẹ chị, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi và anh N bỏ về nhà mẹ ruột ở từ Tết nguyên đán

2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh N có đến vài lần năn nỉ hàn gắn gia đình, nhưng chị thấy anh vẫn không có thiện chí sửa đổi, không quan tâm đến vợ con nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Đặng Hoài N trình bày:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng. Trong thời gian sống chung anh chị không có mâu thuẫn gì. Chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp ly hôn:

Về con chung: Anh đồng ý cho chị T được quyền nuôi con nhưng chị T phải cho anh thăm con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Hoài N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Hoài N chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn, do anh N không đi làm để phụ lo cuộc sống gia đình, cờ bạc và uống rượu nên thường xuyên cãi vã nhau sống không hạnh phúc và anh chị sống ly thân cách đây khoảng sáu tháng. Xét thấy, tại biên bản hòa giải anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng sau đó mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt không đến, chứng tỏ anh N không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị không ai tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền nuôi con tên Đặng Ngọc Tuyền, sinh ngày 25/3/2018, anh N đồng ý, hơn nữa cháu Tuyền còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Tuyền cho chị T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T với anh Đặng Hoài N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Đặng Ngọc Tuyền, sinh ngày 25/3/2018. Chị T và anh N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0008878 ngày 12/3/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm chị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G
- UBND xã Đ, H. G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui